TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 47/2023/HS-ST
Ngày: 12-4-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Ông La Văn Hợp và Ông Đỗ Văn Kha

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Chung - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 09/TB-TA ngày 29 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoài N, sinh năm 1998 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú thôn Ư, xã Q, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký tạm trú khu phố 5, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị S, sinh năm 1978; bị cáo có vợ là Nguyễn Khánh V, sinh năm 2000 và có 01 người con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 28/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt với số tiền 7.000.000 đồng về tội "Đánh bạc" (Tại Bản án số 54/2017/HSST), bị cáo đã chấp hành hình phạt tiền và án phí hình sự sơ thẩm ngày 28/9/2018. Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Duy T (tên gọi khác: V), sinh ngày 15/7/2002 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú thôn G, xã Q, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay khu phố 02, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Duy T, sinh năm 1978 và bà Lê Thị H, sinh năm 1980; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2022 cho đến ngày 06/01/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh, bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Đình T (tên gọi khác: L), sinh năm 1995 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú thôn 02, xã Quả, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; chổ ở hiện nay khu phố 02, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Đình P, sinh năm 1972 và bà Trần Thị H, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án 01: Ngày 23/6/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam được quy đổi là 10 tháng 24 ngày (Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HS-ST), bị cáo chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ ngày 19/9/2021, chấp hành nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 24/9/2021, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị Ánh N, sinh năm 1976; nơi thường trú thôn T, xã B, huyện P Riềng, tỉnh Bình Phước; chổ ở hiện nay khu phố 01, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước "có đơn xin vắng mặt";

2. Ông Vũ Quang Song P, sinh năm 1993; nơi cư trú khu phố 02, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước "vắng mặt";

3. Bà Tăng Thị H, sinh năm 1980; nơi cư trú tổ 4, khu phố T, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước "có đơn xin vắng mặt";

4. Bà Cù Thị D, sinh năm 1992; nơi cư trú khu phố 3, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước "vắng mặt";.

5. Bà Lê Thị H, sinh năm 1965; nơi cư trú khu phố S, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; chổ ở hiện nay khu phố P, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước "có đơn xin vắng mặt";

6. Bà Nguyễn Thị Thanh T; sinh năm 1993; nơi cư trú tổ 3, khu phố H, phường H, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước "có đơn xin vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 6 năm 2022, Nguyễn Hoài N và Hoàng Duy T đến thuê nhà nghỉ Phương Trang thuộc phường Tân P, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước để sinh sống. N thấy có nhiều người dân có nhu cầu vay tiền đồng thời N đang có số tiền 80.000.000 đồng nên nảy sinh ý định dùng số tiền trên để cho người khác vay với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Để thực hiện hành vi trên, N thuê T làm việc cho N theo lương thỏa thuận 5.000.000 đồng/01 tháng và tiến hành in ấn thẻ car với nội dung "hỗ trợ vay trả góp 0785.110.xxx" rồi đi đến các địa điểm đông người như chợ để phát cho người dân buôn bán ở chợ. Trong thời gian này có nhiều người liên hệ vay tiền của N như Ngô Thị Ánh N, Vũ Quang Song P và một số người khác không

rõ nhân thân lai lịch. Khi có người vay liên hệ, N và T sẽ đi đến nhà hoặc địa điểm kinh doanh của người vay để xác định chỗ ở và nơi làm việc của người vay rồi mới đồng ý cho vay. Một số trường hợp sẽ bị giữ các giấy tờ tùy thân như căn cước công dân, giấy tờ xe, giấy phép lái xe… hoặc yêu cầu người vay viết giấy mượn tiền. N và T là người đứng ra làm thủ tục cho vay và thu tiền. Thời gian đầu N và T trực tiếp đến nhà người vay để thu tiền lãi. Sau đó, Nam sử dụng số tài khoản số 151298xxx99 của ngân hàng MBbank mang tên NGUYEN HOAI N và T sử dụng tài khoản số 6063586xxx9 của ngân hàng VPbank mang tên HOANG DUY T để người vay chuyển khoản tiền góp H ngày vào cho N và T. Đồng thời để quản lý số người vay tiền, N sử dụng điện thoại Iphone 11 pro max màu vàng tải app "Trang Tính" về điện thoại rồi truy cập vào nhập thông tin người vay, ngày vay, số tiền vay, số ngày thu góp để theo dõi quản lý. Ngày 15/7/2022, N về nhà tại xã Q, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa để sinh sống. N giao lại tất cả người vay tại khu vực tỉnh Bình Phước để T thu tiền góp H ngày và cứ 05 ngày T chuyển khoản cho N số tiền 5.000.000 đồng, số tiền còn lại T giữ để tiếp tục cho người khác vay hoặc đáo gói vay cho khách. Để thuận tiện trong việc tìm người vay mới T nhờ người tạo các trang như "Vay Vốn nhanh Bình Phước - 0935.216.xxx", "Vay Vốn Nhanh Góp Theo Ngày tại Bình Phước - 0935.216.xxx", "Vay Hóp Theo Ngày - 0935.216.xxx" trên mạng xã hội Facebook để chạy quảng cáo, đồng thời cài đặt app "Business Suite" để trao đổi với khách hàng vay. Đồng thời, lúc này T dùng tiền của N góp chung với Phạm Đình T để cho Tăng Thị H; Cù Thị Dân; Lê Thị H; Nguyễn Thị Thanh T vay tiền với lãi suất cao. T và T tự tìm người vay nếu có người vay thì liên hệ, góp tiền để cho vay và hưởng lợi theo tỷ lệ số tiền góp.

Về hình thức cho vay như sau: Vay trả góp theo ngày có nghĩa là H ngày người vay trả góp tiền (bao gồm tiền lãi và tiền gốc) và góp từ 21 ngày đến 25 ngày tùy từng người (ví dụ gói vay 10.000.000 đồng thì mỗi ngày góp 500.000 đồng nếu góp trong vòng 25 ngày; gói vay 10.000.000 đồng thì mỗi ngày góp 600.000 đồng nếu góp trong vòng 21 ngày;… nếu ngày vay ngắn thì số tiền góp mỗi ngày sẽ nhiều hơn). Khi cho vay tiền, người vay sẽ bị trừ tiền phí và tiền góp trước 1 ngày còn lại bao nhiêu sẽ đưa lại cho người vay. Khi trả chưa hết ngày mà người vay không có tiền đóng tiếp thì sẽ đáo gói vay, nghĩa là sẽ vay gói vay mới và trừ đi số tiền góp còn thiếu của gói vay trước, còn bao nhiêu sẽ đưa cho người vay. Về lệ phí khi cho vay mới và đáo sẽ thu lệ phí bằng một ngày góp.

Quá trình điều tra, xác định Hoàng Duy T, Phạm Đình T và Nguyễn Hoài N cho nhiều người vay, cụ thể như sau.

* Đối với Nguyễn Hoài N cho 06 người vay:

- Từ ngày 20/6/2022 đến tháng 9/2022 cho Ngô Thị Ánh N vay 07 lượt với tổng số tiền là 390.000.000 đồng, tiền lãi đã đóng 88.500.000 đồng, lãi suất cho vay là 365%/năm, tiền phí hồ sơ không thu, đã trả tiền gốc 354.000.000 đồng còn nợ tiền gốc 36.000.000 đồng.

- Từ tháng 6 đến tháng 9/2022 cho Nguyễn Thị Thanh T vay 06 lượt với tổng số tiền vay 420.000.000 đồng, tiền lãi đã đóng 93.600.000 đồng, lãi suất cho vay 451,9%/năm, tiền phí hồ sơ không thu, đã trả tiền gốc 360.000.000 đồng còn nợ tiền gốc 60.000.000 đồng.

- Từ ngày 25/6/2022 đến tháng 9/2022 cho Vũ Quang Song P vay 06 lượt với tổng số tiền 275.000.000 đồng, tiền lãi đã đóng 62.750.000 đồng, lãi suất cho vay là 365%/năm, tiền phí hồ sơ không thu, đã trả tiền gốc 251.000.000 đồng còn nợ tiền gốc 24.000.000 đồng.

- Từ tháng 7/2022 đến tháng 9/2022 cho Lê Thị H vay 05 lượt với tổng số tiền vay 400.000.000 đồng, tiền lãi đã đóng 90.133.333 đồng, lãi suất cho vay 451,9%/năm, tiền phí hồ sơ không thu, đã trả tiền gốc 346.666.667 đồng còn nợ tiền gốc 53.333.333 đồng.

- Từ tháng 7/2022 đến tháng 9/2022 cho Tăng Thị H vay 03 lượt với tổng số tiền vay 90.000.000 đồng, tiền lãi đã đóng 21.171.429 đồng, lãi suất cho vay 451,9%/năm, tiền phí hồ sơ không thu, đã trả tiền gốc 81.428.571 đồng còn nợ tiền gốc 8.571.429 đồng.

- Ngày 13/9/2022 cho Cù Thị D vay số tiền vay 10.000.000 đồng, tiền lãi đã đóng 1.114.286đ, lãi suất cho vay 451,9%/năm, tiền phí hồ sơ không thu, đã trả tiền gốc 4.285.714đ còn nợ tiền gốc 5.714.286đ.

Như vậy, Nguyễn Hoài N đã cho vay, đưa tiền cho Hoàng Duy T cho vay và góp vốn với Phạm Đình T để cho 06 người vay 28 lượt với tổng số tiền 1.585.000.000 đồng với lãi suất từ 365% đến 451,9%/năm, thu lợi bất chính tổng số tiền 339.863.568 đồng.

* Đối với Hoàng Duy T giúp sức cho Nguyễn Hoài N để cho vay và thu tiền hộ như sau:

- Từ ngày 20/6/2022 đến tháng 9/2022 giúp sức cho N cho Ngô Thị Ánh N vay 07 lượt với tổng số tiền 390.000.000 đồng, tiền lãi đã đóng 88.500.000 đồng, lãi suất cho vay là 365%/năm, tiền phí hồ sơ 19.500.000 đồng, đã trả tiền gốc 354.000.000 đồng còn nợ tiền gốc 36.000.000 đồng.

- Từ tháng 6 đến tháng 9/2022 giúp sức cho N cho Nguyễn Thị Thanh T vay 06 lượt với tổng số tiền vay 420.000.000 đồng, tiền lãi đã đóng 93.600.000 đồng, lãi suất cho vay 451,9%/năm, tiền phí hồ sơ 25.200.000 đồng, đã trả tiền gốc 360.000.000 đồng còn nợ tiền gốc 60.000.000 đồng.

- Từ ngày 25/6/2022 đến tháng 9/2022 giúp sức cho N cho Vũ Quang Song P 06 lượt với tổng số tiền 275.000.000 đồng, tiền lãi đã đóng 62.750.000 đồng, lãi suất cho vay là 365%/năm, tiền phí hồ sơ 13.750.000 đồng, đã trả tiền gốc 251.000.000 đồng còn nợ tiền gốc 24.000.000 đồng.

- Từ tháng 7/2022 đến tháng 9/2022 giúp sức cho Nam cho Lê Thị H vay 05 lượt với tổng số tiền vay 400.000.000 đồng, tiền lãi đã đóng 90.133.333 đồng, lãi suất cho vay 451,9%/năm, tiền phí hồ sơ 24.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 346.666.667 đồng còn nợ tiền gốc 53.333.333 đồng.

- Từ tháng 7/2022 đến tháng 9/2022 giúp sức cho Nam cho Tăng Thị H vay 03 lượt với tổng số tiền vay 90.000.000 đồng, tiền lãi đã đóng 21.171.429 đồng, lãi suất cho vay 451,9%/năm, tiền phí hồ sơ 3.600.000 đồng, đã trả tiền gốc 81.428.571 đồng còn nợ tiền gốc 8.571.429 đồng.

- Ngày 13/9/2022 giúp sức cho N cho Cù Thị D vay số tiền vay 10.000.000 đồng, tiền lãi đã đóng 1.114.286 đồng, lãi suất cho vay 451,9%/năm, tiền phí hồ sơ 600.000 đồng, đã trả tiền gốc 4.285.714 đồng còn nợ tiền gốc 5.714.286 đồng.

Như vậy, Hoàng Duy T đã giúp sức trong việc cho 06 người vay và lấy tiền giúp cho Nguyễn Hoài N với tổng số tiền cho vay 1.585.000.000 đồng với lãi suất từ 365% đến 451,9%/năm và thu lợi bất chính tổng số tiền 426.513.568 đồng.

* Đối với Phạm Đình T cho 03 người vay:

- Từ tháng 7/2022 đến tháng 9/2022 cho Tăng Thị H vay 03 lượt với tổng số tiền vay 90.000.000 đồng, tiền lãi đã đóng 21.171.429 đồng, lãi suất cho vay 451,9%/năm, tiền phí hồ sơ 3.600.000 đồng, đã trả tiền gốc 81.428.571 đồng còn nợ tiền gốc 8.571.429 đồng.

- Từ tháng 6 đến tháng 9/2022 cho Nguyễn Thị Thanh T vay 06 lượt với tổng số tiền vay 420.000.000 đồng, tiền lãi đã đóng 93.600.000 đồng, lãi suất cho vay 451,9%/năm, tiền phí hồ sơ 25.200.000 đồng, đã trả tiền gốc 360.000.000 đồng còn nợ tiền gốc 60.000.000 đồng.

- Từ tháng 7/2022 đến tháng 9/2022 cho Lê Thị H vay 05 lượt với tổng số tiền vay 400.000.000 đồng, tiền lãi đã đóng 90.133.333 đồng, lãi suất cho vay 451,9%/năm, tiền phí hồ sơ 24.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 346.666.667 đồng còn nợ tiền gốc 53.333.333 đồng.

Như vậy, Phạm Đình T đã cho vay và góp tiền cùng với Hoàng Duy T cho 03 người vay 14 lượt với tổng số tiền 910.000.000 đồng với lãi suất 451,9%/năm và thu lợi bất chính số tiền 248.636.269 đồng.

Ngày 20/9/2022, Ngô Thị Ánh N gửi đơn trình báo đến Công an thành phố Đồng Xoài.

Ngày 21/9/2022, Hoàng Duy T và Phạm Đình T bị Cơ quan điều tra Công an thành phố Đồng Xoài ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Ngày 6/10/2022 Nguyễn Hoài Nam đến cơ quan điều tra để đầu thú.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Xoài đã thu giữ: 01 (một) điện thoại Nokia 105 màu đen, gắn số sim 0935.216.xxx; 01 (một) điện thoại Redmi Note 5 màu đen gắn số sim 0325.576.423;01 (một) giấy mượn tiền giữa Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Hoài N; 01 (một) thẻ ATM số 4026490003903xxx ngân hàng Vietinbank mang tên PHAM DINH T; 01 (một) điện thoại Iphone 6 plus màu bạc gắn số sim 0838.660.xxx.

Tại Bản Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 13/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố các bị cáo, Nguyễn Hoài Nam, Hoàng Duy T và Phạm Đình T về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài N mức án từ 09

tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo; Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Duy T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo; Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng; Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đình T mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 468, Điều 579, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc các bị cáo Phạm Hoài N, Hoàng Duy T và Phạm Đình T phải nộp lại số tiền gốc cho vay theo lời khai thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa; lãi suất tương ứng 20%/năm đã nhận của người vay và tiền phí khác (nếu có) để sung công quỹ Nhà nước. Buộc các bị cáo Phạm Hoài N, Hoàng Duy T và Phạm Đình T phải trả lại cho người vay số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật (trên 20%) đã nhận và buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải hoàn lại số tiền nợ gốc còn lại đã vay của các bị cáo để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại Nokia 105 màu đen, gắn số sim 0935.216.xxx; 01 (một) điện thoại Redmi Note 5 màu đen gắn số sim 0325.576.423; 01 (một) điện thoại Iphone 6 plus màu bạc gắn số sim 0838.660.xxx; 01 (một) thẻ ATM số 4026490003903xxx ngân hàng Vietinbank mang tên Phạm Đình T;

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) giấy mượn tiền giữa Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Hoài N;

Các bị cáo Phạm Hoài N, Hoàng Duy T và Phạm Đình T tại phiên tòa đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tài liệu chứng cứ, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 13/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đã truy tố. Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa

phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về cách thức cho vay, số tiền vay, phù hợp với biên bản thu giữ tài liệu, biên bản khám xét nơi ở, biên bản đối chiếu, tính toán số tiền cho vay, lãi suất cho vay, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận: Do biết nhiều người không thể vay tiền của các tổ chức tín dụng vì thủ tục và không có tài sản thế chấp, đồng thời muốn thu lợi bất chính bằng hình thức cho vay tín chấp (vay đứng) nên khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 9/2022 bị cáo Nguyễn Hoài N đã cho vay, đưa tiền cho bị cáo Hoàng Duy T cho vay và góp vốn với bị cáo Phạm Đình T để cho 06 người vay tiền với 28 lượt vay, tổng số tiền cho vay 1.585.000.000 đồng, lãi suất từ 365% đến 451,9%/năm, thu lợi bất chính 339.863.568 đồng; Bị cáo Hoàng Duy T thực hành việc giúp sức cho bị cáo Nam cho vay và góp vốn với Phạm Đình T để cho 06 người vay tiền với 28 lượt vay, tổng số tiền cho vay 1.585.000.000 đồng, lãi suất từ 365% đến 451,9%/năm, thu lợi bất chính 426.513.568 đồng; Bị cáo Phạm Đình T đã cho vay và góp tiền cùng Hoàng Duy T cho 03 người vay, với 14 lượt vay, tổng số tiền 910.000.000 đồng, lãi suất 451.9%, thu lợi bất chính 248.636.269 đồng.

Căn cứ vào hành vi các bị cáo Nguyễn Hoài N, Hoàng Duy T và Phạm Đình T thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 201 của Bộ luật hình sự. Do số tiền các bị cáo thu lợi bất chính trên 100.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài truy tố các bị cáo theo khung hình phạt tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3]. Các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn nhận thức được việc cho người khác vay với lãi suất cao gấp 5 lần so với lãi suất quy định của Nhà nước là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng do hám lợi, muốn thu về với mức lãi suất cao để hưởng lợi bất chính nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội trong hoạt động tín dụng, đẩy người đi vay càng lâm vào hoàn cảnh khó khăn hơn khi phải trả mức lãi cao, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương.

[4]. Do đây là vụ án đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân tích vị trí vai trò của từng bị cáo trong việc cá thể hóa hình phạt.

Đối với bị cáo Nguyễn Hoài N cho 06 người vay tiền là bà Ngô Thị Ánh N, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Vũ Quang Song P, bà Lê Thị H, bà Tăng Thị H và bà Cù Thị Dân với 28 lượt vay, tổng số tiền cho vay 1.585.000.000 đồng, lãi suất từ 365% đến 451,9%/năm, thu lợi bất chính 339.863.568 đồng

Đối với bị cáo Hoàng Duy T giúp sức cho bị cáo Nam cho 06 người vay tiền với 28 lượt vay, tổng số tiền cho vay 1.585.000.000 đồng, tiền phí 86.650.000 đồng, lãi suất từ 365% đến 451,9%/năm, thu lợi bất chính 426.513.568 đồng

Đối với bị cáo Phạm Đình T đã cho vay thông qua việc góp tiền cùng Hoàng Duy T cho 03 người vay là bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Tăng Thị H và bà Lê Thị H với 14 lượt vay, tổng số tiền 910.000.000 đồng, lãi suất 451.9%, thu lợi bất chính 248.636.269 đồng.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo cho vay nhiều lần nhưng số tiền thu lợi bất chính trong 01 lần vay dưới 30 triệu đồng nên không áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Đình T có 01 tiền án, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng hình sự là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Các bị cáo Nguyễn Hoài N và Hoàng Duy T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo N sau khi phạm tội đã ra đầu thú; Bị cáo Nam, T đã khắc phục một phần hậu quả; Gia đình bị cáo Nam có công với cách mạng, trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo tham gia hoạt động từ thiện được Ủy ban nhân dân phường Long Phước, thị xã Phước Long gửi Thư cảm ơn. Do vậy bị cáo N được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo T được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và bị cáo T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Hoài N và bị cáo Hoàng Duy T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệm trọng nên không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự khi xét xử đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Phạm Đình T bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên cần phải có hình phạt nghiêm, tương xứng với chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với các bị cáo N, T theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự và hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự: Đối với khoản tiền gốc bị cáo cho vay; khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) và tiền phí hồ sơ đã thu của những người vay được xác định là các khoản tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm nên tịch thu sung quỹ Nhà nước; Đối với số tiền lãi vượt mức lãi suất quy định của Nhà nước (trên 20%) thì buộc bị cáo hoàn trả lại cho người vay, đối với số tiền gốc người vay còn nợ lại cần buộc người vay nộp sung vào ngân sách Nhà nước.

* Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hoài N khai nhận tổng số tiền bị cáo bỏ ra để thực hiện việc cho vay là 80.000.000 đồng. Xét lời trình bày của bị cáo và đối chiếu với bảng thống kê tính toán số tiền cho vay hoàn toàn phù hợp, logic về mặt thời gian

cho vay, số tiền mỗi lần cho vay, khoản gốc người vay đã trả và còn nợ lại. Do đây là phượng tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Do số tiền bị cáo Nguyễn Hoài N bỏ ra cho vay có nguồn gốc là tiền của bị cáo, bị cáo Hoàng Duy T chỉ làm thuê, hưởng lương theo tháng và thu hồi vốn, thu phí và gửi lại cho bị cáo Nam nên đối với khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm), tiền phí hồ sơ đã thu của những người vay; số tiền lãi vượt mức lãi suất quy định của Nhà nước (trên 20%) và đối với số tiền gốc người vay còn nợ thì cần buộc bị cáo Nguyễn Hoài N và người vay chi trả như sau:

- Đối với khoản vay của bà Ngô Thị Ánh N: Bị cáo Nguyễn Hoài N phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà N là 98.349.313 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; Bị cáo Nguyễn Hoài N phải trả lại cho bà N số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 83.650.680 đồng; Bà N nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 36.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước

- Đối với khoản vay của ông Vũ Quang Song P: Bị cáo Nguyễn Hoài N phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của ông P là 33.188.354 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; Bị cáo Nguyễn Hoài N phải trả lại cho ông P số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 59.311.640 đồng; Ông P nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 24.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước

- Đối với khoản vay của bà Cù Thị D: Bị cáo Nguyễn Hoài N phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà Dân là 10.335.029 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; Bị cáo Nguyễn Hoài N phải trả lại cho bà D số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 1.064.970 đồng; Bà D nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 5.714.286 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

* Tại phiên tòa bị cáo Phạm Đình T khai nhận tổng số tiền bị cáo bỏ ra để thực hiện việc cho vay là 180.000.000 đồng. Xét lời trình bày của bị cáo và đối chiếu với bảng thống kê tính toán số tiền cho vay hoàn toàn phù hợp, logic về mặt thời gian cho vay, số tiền mỗi lần cho vay, khoản gốc người vay đã trả và còn nợ lại. Do đây là phượng tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền mà bị cáo Hoàng Duy T góp vốn với bị cáo Phạm Đình T cho vay có nguồn gốc từ tiền của bị cáo Nguyễn Hoài Nam, các bị cáo T, T và Nam không nhớ rõ tỷ lệ góp vốn, tuy nhiên các bị cáo N và T thống nhất thỏa thuận lợi nhuận chia đôi 50/50, sau khi người vay thanh toán thì bị cáo T nhận và đưa lại cho bị cáo N, tại phiên tòa các bị cáo N và bị cáo T thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử tính toán chi trả theo tỷ lệ 50/50, cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị Thanh T: Bị cáo Nguyễn Hoài N và bị cáo Phạm Đình T phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà T là 39.342.463 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể bị cáo N nộp 19.671.231 đồng, bị cáo T nộp 19.671.231 đồng; Bị cáo Nguyễn Hoài N và bị cáo Phạm Đình T phải trả lại cho bà T số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 89.457.531 đồng, cụ thể bị cáo N là 44.728.765 đồng, bị cáo T là 44. 728.765

đồng; Bà T nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 60.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với khoản vay của bà Tăng Thị H: Bị cáo Nguyễn Hoài N và bị cáo Phạm Đình T phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà H là 25.965.556 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể bị cáo Nam nộp 12.982.778 đồng, bị cáo T nộp 12.982.778 đồng; Bị cáo Nguyễn Hoài N và bị cáo Phạm Đình T phải trả lại cho bà H số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 20.234.441 đồng, cụ thể bị cáo N là 10.117.220 đồng, bị cáo T là 10.117.220 đồng; Bà H nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 8.571.429 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với khoản vay của bà Lê Thị H: Bị cáo Nguyễn Hoài N và bị cáo Phạm Đình T phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà H là 54.655.704 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể bị cáo N nộp 27.327.852 đồng, bị cáo T nộp 27.327.852 đồng; Bị cáo Nguyễn Hoài N và bị cáo Phạm Đình T phải trả lại cho bà H số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 86.144.292 đồng, cụ thể bị cáo N là 43.072.146 đồng, bị cáo T là 43.072.146 đồng; Bà H nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 53.333.333 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[7]. Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 (một) điện thoại Nokia 105 màu đen; 01 (một) điện thoại Redmi; 01 (một) điện thoại Iphone 6 màu bạc và 01 (một) thẻ ATM số 4026490003903xxx ngân hàng Vietinbank mang tên PHAM DINH T là công cụ, phương tiện được các bị cáo T và T dùng vào mục đích phạm tội nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 (một) tờ giấy mượn tiền giữa Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Hoài N là chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần lưu theo hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng bị cáo Hoàng Duy T nộp ở Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, xét thấy việc bị cáo T tự giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc hưởng lương, thu tiền góp nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Cần quản thủ số tiền số tiền 10.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Hoài N nộp ở Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Hoài N.

[8]. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và mức hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Hoài N, Hoàng Duy T và Phạm Đình T phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài Nam ***01 (Một)*** năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách ***02 (Hai)*** năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Tuyên phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Hoài N số tiền 50.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Duy T ***09 (Chín)*** tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách ***18 (Mười tám)*** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Tuyên phạt bổ sung bị cáo Hoàng Duy T số tiền từ 40.000.000 đồng.

Tuyên giao bị cáo Nguyễn Hoài N cho Ủy ban nhân dân phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Long Phước trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Tuyên giao bị cáo Hoàng Duy T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Q trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo Nguyễn Hoài N và Hoàng Duy T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đình T ***09 (Chín)*** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 21/9/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 468, Điều 579, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Đối với bị cáo Nguyễn Hoài N:

Bị cáo Nguyễn Hoài N phải nộp lại số tiền gốc cho vay là 80.000.000 đồng; tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ cho vay là 201.854.557 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoài N phải trả lại cho những người vay số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) tổng cộng 241.945.421 đồng, cụ thể như sau:

+ Trả cho bà Ngô Thị Ánh N số tiền 83.650.680 đồng.

+ Trả cho ông Vũ Quang Song P số tiền 59.311.640 đồng.

+ Trả cho bà Cù Thị D số tiền 1.064.970 đồng.

+ Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 44.728.765 đồng.

+ Trả cho bà Tăng Thị H số tiền 10.117.220 đồng.

+ Trả cho bà Lê Thị H số tiền 43.072.146 đồng.

- Buộc những người vay phải nộp lại số tiền gốc mà bị cáo Nguyễn Hoài N đã cho vay nhưng tại thời điểm xét xử những người vay chưa trả để nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

+ Bà Ngô Thị Ánh N nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 36.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước;

+ Ông Vũ Quang Song P nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 24.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước;

+ Bà Cù Thị D nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 5.714.286 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với bị cáo Phạm Đình T:

Bị cáo Phạm Đình T phải nộp lại số tiền gốc cho vay là 180.000.000 đồng; tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ cho vay là 59.981.861 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Phạm Đình T phải trả lại cho những người vay số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) tổng cộng 97.918.131 đồng, cụ thể như sau:

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 44.728.765 đồng.

+ Trả lại cho bà Tăng Thị H số tiền 10.117.220 đồng.

+ Trả lại cho bà Lê Thị H số tiền 43.072.146 đồng.

- Buộc những người vay phải nộp lại số tiền gốc mà bị cáo Nguyễn Hoài Nvà Phạm Đình T đã cho vay nhưng tại thời điểm xét xử những người vay chưa trả để nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

+ Bà Nguyễn Thị Thanh T nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 60.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Bà Tăng Thị H nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 8.571.429 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Bà Lê thị H nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 53.333.333 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã cũ; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi màu đen đã cũ; 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu bạc đã cũ; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng mang tên Phạm Đình T;

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) tờ giấy mượn tiền giữa Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Hoài Nam;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng của bị cáo Hoàng Duy T.

Quản thủ số tiền số tiền 10.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Hoài N nộp ở Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0002097, quyển số 0042, ký hiệu D47/2017 ngày 29/3/2023; Biên lai thu tiền số 0002416 ngày 12/4/2023; Biên lai thu tiền số 0002260 ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài).

Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài có trách nhiệm bàn giao 01 (một) tờ giấy mượn tiền giữa Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Hoài N cho Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài lưu theo hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Hoài N, Hoàng Duy T và Phạm Đình T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết theo quy định của pháp luật./.

<u>Nơi nhận</u>:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND Thành phố Đồng Xoài;*
- *VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS TP.Đồng Xoài;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.*
- *CA Thành phố Đồng Xoài;*
- *Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS-VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Chất